

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/ DS-PT

Ngày: 31-5-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại về tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Võ Công P.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2022/QĐXXPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T (có mặt)

Cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T1 (có mặt)

Cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bình Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Ánh Q – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Định (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Hữu P (tên khác: Trần Minh H) (có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị H1 (vắng)

3. Chị Bùi Thị Thanh T2 (có mặt)

4. Bà Tô Thị L (vắng)

Cùng cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bình Định.

5. Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bình Định (vắng)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Q - Chủ tịch UBND xã H, huyện V, tỉnh Bình Định. Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bình Định. (có đơn xin vắng mặt).

6. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Đình T3 – Chủ tịch UBND huyện

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H – Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Tài nguyên và Môi trường (Văn bản ủy quyền số 02/GUQ-UBND ngày 28/8/2021).

- *Người kháng cáo:* Anh Phạm Văn T1 - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 1992, bà T và chồng là ông Trần Hữu P có khai vỡ một đám đất diện tích khoảng 2.212m² để sản xuất. Trước khi khai vỡ thì diện tích đất này là rừng tự nhiên, sau khi khai vỡ vợ chồng bà canh tác liên tục trên đất chủ yếu là trồng mì. Đến tháng 10/1994, nhà nước lấy đất cấp theo nhân khẩu cho các hộ dân sử dụng. Vì số nhân khẩu gia đình bà ít, nên UBND xã H lấy một phần đám đất gia đình bà khai hoang cấp cho hộ ông Phạm Văn Cư là cha của anh Phạm Văn T1 với diện tích là 1.872m². Phần diện tích đất còn lại 340m² gia đình bà vẫn tiếp tục sử dụng và nghĩ rằng phần đất còn lại vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất thuộc thửa 2b, tờ bản đồ số 4. Sau khi được cấp đất, vì canh tác phải đóng thuế nông nghiệp nên hộ ông Cư không nhận đất để làm nên vợ chồng bà vẫn tiếp tục canh tác phần đất cấp cho hộ ông Cư và đóng thuế cho Nhà nước từ năm 1994 đến năm 1999. Sau đó nhà nước miễn thuế nông nghiệp, ông Cư mới nhận lại đất để làm. Vì khi được giao quyền sử dụng đất, ông Cư không nhận đất nên vợ chồng bà và hộ ông Cư không xác định được vị trí phần diện tích đất 1.872m² cấp cho hộ ông Cư có giới cận như T nào nên vợ chồng bà và gia đình ông Cư thống nhất chia đôi thửa đất, mỗi bên canh tác một nửa. Vợ chồng bà sử dụng phần ở phía Đông giáp với đất gia đình bà được cấp, còn hộ ông Cư sử dụng phần đất còn lại ở phía Tây giáp với đường đi. Sau khi chia đất, hai bên sử dụng đất ổn định không có ai tranh chấp. Đến năm 2014, qua tìm hiểu bà mới biết việc chia như vậy là không đúng với vị trí của hai thửa đất nên bà làm đơn đề nghị UBND xã H tiến hành đo đạc, chia lại đất để hai bên sử dụng cho đúng vị trí. Sau đó, UBND xã H thành lập hội đồng đến hiện trường tiến hành đo đạc, lúc này bà mới biết phần diện tích đất vợ chồng bà sử dụng từ trước đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Sau khi đo đạc, hai bên thống nhất giao cho anh T1 1.872m² đất cấp cho hộ ông Cư, vị trí thửa đất này ở phía Nam, phần diện tích đất còn lại 340m² ở phía Bắc thì giao cho vợ chồng bà tiếp tục canh tác, sử dụng, vợ chồng bà đã đắp bờ trồng cỏ, sử dụng liên tục đến nay. Đến năm 2020, anh T1 nói phần đất 340m² là vườn thừa của vợ chồng anh T1, nên anh T1 tiếp tục tranh chấp đất trên với vợ chồng bà. Bà

đã làm đơn báo cáo đến UBND xã H nhưng hòa giải không thành. Đến khoảng 16 giờ ngày 22 tháng 02 năm 2021, anh T1 châm lửa đốt đám cỏ của gia đình bà, cháy luôn cả hệ thống ống tưới nước.

Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Văn T1 phải trả lại cho bà phần diện tích đất anh T1 lấn chiếm với diện tích theo Hội đồng định giá đã đo đạc là 337,9m² và buộc anh T1 phải bồi thường thiệt hại cho bà diện tích cỏ và hệ thống nước tưới cỏ bị anh T1 đốt cháy với số tiền theo giá trị Hội đồng định giá đã định là 1.846.000 đồng.

Bị đơn anh Phạm Văn T1 trình bày:

Năm 1994, UBND huyện V thu hồi phần đất của bà Kỳ Lộ và ông Dư Cảnh trước đó đã khai hoang để cấp cho hộ ông Phạm Văn Cư là cha của anh Phạm Văn T1 ở xã H, huyện V, tỉnh Bình Định với diện tích 1.872m² đất màu thuộc thửa đất số 2b, tờ bản đồ số 4. Anh không biết chính xác phần diện tích đất tranh chấp giữa anh và bà T có thuộc phần đất gia đình anh được cấp hay không, nhưng anh nghĩ rằng phần diện tích đất hộ ông Cư được cấp bao gồm cả 340m² đất mà bà T và anh tranh chấp. Sau khi được cấp đất, do gia đình anh không có điều kiện để sử dụng đất nên cho bà T sử dụng ½ diện tích đất ở phía Đông, còn lại ½ diện tích đất ở phía Tây thì gia đình anh sử dụng. Năm 2013, chị Nguyễn Thị Hợi con dâu bà T có xin vợ chồng anh một phần đất trong số diện tích của thửa đất số 2b nói trên để trồng cỏ, sau khi trồng cỏ được khoảng 02 tháng thì UBND xã làm đường bê tông, sau đó bà T làm đơn gửi UBND xã H yêu cầu chia lại đất. UBND xã H thành lập một đoàn liên ngành xuống đo đạc và tiến hành lập biên bản, do anh không biết chữ nên khi nghe địa chính xã nói phần đất bà T có giấy tờ hợp pháp nên anh mới thống nhất giao 340m² đất ở phía Tây cho bà T canh tác, sử dụng. Đến năm 2019, bà T bán 340m² đất đó cho anh Nguyễn Thái Bình và chị Hồ Thị Trâm ở cùng thôn. Anh Bình, chị Trâm đến nhờ anh xác nhận đất không có tranh chấp để làm giấy tờ đất, anh mới phát hiện bà T không có giấy tờ hợp pháp đối với phần đất trên nên anh không xác nhận và yêu cầu bà T trả lại đất cho vợ chồng anh, từ đó hai bên xảy ra tranh chấp. Tháng 9/2020, UBND xã H mời 2 bên đến xã để hòa giải nhưng kết quả không thành.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu anh trả lại cho bà T 337,9m² đất và bồi thường thiệt hại đám cỏ cùng với hệ thống nước bị anh đốt cháy với số tiền theo Hội đồng định giá đã định là 1.846.000 đồng, anh T1 không đồng ý trả lại đất cho bà T vì diện tích đất tranh chấp là đất bà T mượn của vợ chồng anh để trồng cỏ. Hơn nữa, gia đình bà T không phải là hộ liên kế của gia đình anh nên không thể nói bà có đất giáp ranh với đất của anh để anh lấn chiếm. Hiện tại phần đất này gia đình bà cũng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc bà T yêu cầu anh phải bồi thường thiệt hại giá trị đám cỏ và hệ thống nước do anh đốt cháy, anh không đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà T đám cỏ bị anh đốt cháy vì trước ban hòa giải của UBND xã H lần thứ nhất, bà T đã thỏa thuận bằng miệng là cho bà thu hoạch cỏ một lần nữa là xong rồi giải quyết tranh chấp. Gần một tháng sau bà T đã thu hoạch đám cỏ theo như thỏa thuận. Do thời gian khá lâu mà chưa thấy UBND xã có biện pháp giải quyết rõ ràng, dứt điểm vụ việc nên anh mới đốt đám cỏ của bà T mục đích để trồng cây ăn trái lên phần đất trên. Riêng phần hệ thống ống nước bị anh đốt cháy thì anh chấp nhận bồi thường thiệt hại cho bà T theo số tiền mà Hội đồng định giá đã định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Hữu P trình bày: Ông là chồng bà T, ông thống nhất với nội dung vợ ông đã trình bày và không bổ sung gì thêm.

2. Chị Nguyễn Thị Hợi trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là đất do cha mẹ chồng chị là ông P, bà T khai hoang. Năm 2014, sau khi bà T và anh T1 thỏa thuận chia đất xong theo biên bản hòa giải thành tại UBND xã H, cha mẹ chồng chị mới cho chị trồng cỏ trên diện tích đất 340m² để chăn nuôi bò. Chứ không có việc chị xin vợ chồng anh T1 phần đất trên để trồng cỏ như nội dung vợ chồng anh T1 trình bày. Khi trồng cỏ vợ chồng chị đắp bờ còn cha chồng chị cày đất, chị trồng cỏ đến năm 2017 do không có nhu cầu sử dụng đất nữa nên chị trả lại cho mẹ chồng chị trồng cỏ cho đến nay. Phần đất tranh chấp trên là đất của cha mẹ chồng chị, cha mẹ chồng chị đang trực tiếp sử dụng chị không có liên quan nên chị không có ý kiến gì, việc giải quyết tranh chấp như T nào là do cha mẹ chồng chị tự quyết định.

3. Chị Bùi Thị Thanh Tâm trình bày: Chị là vợ anh T1, chị thống nhất với nội dung anh T1 đã trình bày và không bổ sung gì thêm.

4. Bà Tô Thị L trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà T và anh T1 là đất do bà Kỳ Lộ và ông Dư Cảnh ở H, H khai hoang (Bà Kỳ Lộ và ông Dư Cảnh đã chết). Năm 1994 nhà nước thu hồi lại đất khai hoang và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà với diện tích 1.872m². Còn thực tế phần diện tích đất 340m² bà T đang trồng cỏ và tranh chấp với anh T1 thì bà không biết có nằm trong phần đất gia đình bà được giao quyền sử dụng hay không. Sau khi được cấp đất, có một thời gian gia đình bà cho bà T làm, sau đó gia đình bà lấy lại đất để canh tác. Năm 2009, anh T1 lấy vợ nhưng không có đất canh tác nên gia đình bà thống nhất cho anh T1 phần diện tích đất trên để sử dụng. Năm 2012, anh T1 được Nhà nước hỗ trợ tiền xây nhà hộ nghèo nên anh T1 đã cất nhà trên phần đất gia đình bà được cấp. Về phần diện tích đất tranh chấp 340m² là đất hồi giờ gia đình bà sử dụng. Khi chồng bà còn sống, vợ chồng bà thống nhất cho phần đất trên cho anh T1 nên vợ chồng anh T1 quyết định như T nào thì bà thống nhất theo ý kiến của vợ chồng anh T1, bà không có tranh chấp gì.

5. Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện V cung cấp thông tin: Phần diện tích đất 337,9m² thuộc thửa đất số 2D, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bình Định hiện đang tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T1 chưa được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bất kỳ đối tượng nào. UBND huyện V chỉ thực hiện việc xem xét giao đất hoặc cho thuê đất cho đối tượng sử dụng theo quy định của pháp luật sau khi bản án của Tòa án (hoặc quyết định giải quyết tranh chấp) có hiệu lực pháp luật.

6. Người đại diện theo pháp luật của UBND xã H: Theo bản đồ địa chính, sổ mục kê, sổ địa chính do UBND xã H quản lý thì phần diện tích đất 337,9m² thuộc thửa đất số 2D, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bình Định hiện đang tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T1 chưa có ai đứng tên trong sổ địa chính mà do UBND xã quản lý. Hai hộ đều cho rằng đất do khai hoang, UBND xã đề nghị Tòa án xác minh và giao đất cho hộ nào đủ điều kiện theo pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của

Toà án nhân dân huyện V quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T buộc anh Phạm Văn T1 phải trả lại cho bà T 337,9m² đất lấn chiếm thuộc thửa đất số 2D, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bình Định (*Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo*). Bà T có nghĩa vụ làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật.

Buộc anh Phạm Văn T1 phải bồi thường thiệt hại cho bà T số diện tích cỏ và hệ thống ống nước anh T1 đã đốt cháy với số tiền là 1.846.000đ (Một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, về quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 08/10/2021, bị đơn anh Phạm Văn T1 kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc buộc anh T1 phải trả lại cho bà T 337,9m² đất lấn chiếm thuộc thửa đất số 2D, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bình Định và công nhận phần diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của anh; bác yêu cầu đòi bồi thường diện tích cỏ đã bị cháy của bà T.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Phạm Văn T1 trình bày: Yêu cầu tòa án sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Phạm Văn T1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ đến lần thứ hai cho các đương sự nhưng tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Hoi, bà Tô Thị L, đại diện UBND xã H và đại diện UBND huyện V. Do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Phạm Văn T1, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00351 do UBND huyện V cấp ngày 16/5/1994 cho hộ ông Phạm Văn Cư trong đó có thửa đất số 2b, diện tích 1.872m², sau đó thửa đất để lại thừa kế cho bà Tô Thị L và đã được đăng ký biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên cho bà L, vì anh T1 con trai bà L sử dụng thửa đất này từ năm 2009 nên bà L thông nhất giao phần đất này cho anh T1.

Thửa đất số 2b, diện tích 1.872m² giáp biên với diện tích đất đang tranh chấp giữa bà T và anh T1. Căn cứ biên bản làm việc ngày 11/12/2014 do UBND xã H lập, anh T1 thừa nhận nguồn gốc đất trước đây do hộ bà T khai vỡ nên việc bà T

cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc là đất do bà T khai hoang là có căn cứ. Anh T1 cho rằng phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 2b, tờ bản đồ số 4 diện tích 1872m² đã được cấp cho hộ gia đình anh. Tuy nhiên, căn cứ theo công văn số 36/UBND ngày 21/7/2021 của UBND xã H và công văn số 1636/UBND-TNMT ngày 10/9/2021 của UBND huyện V thì hiện nay phần đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 2D, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bình Định chưa có ai đứng tên trong sổ địa chính mà do UBND xã quản lý.

Năm 2014, giữa bà T và anh T1 đã xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất và được UBND xã H hòa giải thành. Theo biên bản hòa giải ngày 31/12/2014 tại UBND xã H thì anh T1 và bà T thống nhất hòa giải thành và ngày 06/01/2015 UBND xã H đã đến hiện trường đo đạc cắm mốc và giao đất cho anh T1, bà T. Các bên đã thống nhất ký tên nhận đất và đắp bờ sử dụng không ai có ý kiến khiếu nại gì cho đến khi xảy ra tranh chấp năm 2019.

Theo kết quả đo đạc tại cấp phúc thẩm ngày 21/4/2022 thì diện tích thửa đất số 2b, tờ bản đồ số 4 ông T1 đang sử dụng có diện tích 1.818,5m² so với diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng là thiếu 53,5m² phần đất thiếu này là do năm 2014 khi giải quyết tranh chấp đất UBND xã H đã đo đạc cắm mốc giao cho anh T1 không đủ diện tích 1.872m² nên phần đất tranh chấp có lẫn qua thửa đất 2b của anh T1 là 53,5m². Tại phiên Tòa bà T, ông P tự nguyện thu hoạch cỏ để trả lại diện tích 53,5m² đất cho đủ diện tích 1.872m² theo giấy chứng nhận đã cấp cho gia đình anh T1 là phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng bà T ông P. Theo kết quả đo đạc phần đất tranh chấp bà T, ông P đang quản lý có diện tích 321,5m² nên cắt 53,5m² trả cho gia đình anh T1 cho đủ diện tích 1.872m² thì phần đất tranh chấp còn lại là 268m² (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Phần đất tranh chấp còn lại 268m² chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bất kỳ đối tượng nào nhưng thực tế phần đất tranh chấp này do bà T liên tục quản lý sử dụng trồng cỏ từ năm 2014 đến nay và UBND huyện V cũng có văn bản trả lời thửa đất đang quy hoạch làm đất ở nông thôn nên tạm giao cho bà T tiếp tục quản lý sử dụng phần đất tranh chấp này là phù hợp. Vì vậy tại phiên tòa vợ chồng anh T1 chỉ Tâm yêu cầu giao phần đất tranh chấp còn lại (sau khi vợ chồng anh nhận đủ 1.872m²) cho vợ chồng anh chỉ quản lý là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

Ngoài ra, Tòa cấp sơ thẩm tuyên xử “*Buộc anh Phạm Văn T1 phải trả lại cho bà T 337,9m² đất lấn chiếm thuộc thửa đất số 2D, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bình Định*” là không có cơ sở vì anh T1 chưa lấn chiếm đất mà phần đất tranh chấp do bà T quản lý sử dụng trồng cỏ từ năm 2014 đến nay, trên đất có tài sản là cỏ do bà T trồng.

[2.2] Về phần yêu cầu bồi thường thiệt hại: Anh T1 thừa nhận là người đốt cháy cây cỏ do bà T trồng với diện tích 180,8m². Khi đốt cây cỏ đã làm cháy hệ thống ống và vòi phun nước tưới cỏ gồm 18m ống nhựa phi 42, 04m ống nhựa phi 21, 04бет phun và 04 van khóa. Theo biên bản định giá tài sản ngày 16/6/2021 của Hội đồng định giá thì phần diện tích cây cỏ bị cháy có giá trị là 180,8m² x 6.300đ/m² = 1.139.040đ, hệ thống tưới nước bị cháy có giá trị là 706.800đ. Tổng

giá trị tài sản của bà T bị anh T1 đốt cháy là 1.846.000đ. Việc anh T1 đốt diện tích cây cỏ do bà T trồng và hệ thống tưới nước cỏ không có sự đồng ý của bà T nên anh T1 phải bồi thường thiệt hại cho bà T số tiền 1.846.000đ là có căn cứ và được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm Văn T1, Sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Anh Phạm Văn T1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc đối tượng là hộ nghèo, bà Nguyễn Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm vì là người cao tuổi.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Phạm Văn T1 không phải chịu.

[4.3] Về chi phí tố tụng gồm:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tại cấp sơ thẩm 4.001.000đ và tại cấp phúc thẩm 8.000.000đ, tổng cộng 12.001.000đ anh T1 và bà T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ là 6.000.500đ. Bà T đã nộp 4.001.000đ, anh T1 đã nộp 8.000.000đ nên bà T phải trả lại cho anh T1 1.999.500đ.

[5] Tại phiên tòa lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Phạm Văn T1 yêu cầu Tòa giao đủ đất 1.872m² cho anh T1 như giấy chứng nhận, phần đất còn lại chưa được cơ quan có thẩm quyền giao cho ai nên đề nghị Tòa giao cho anh T1 vì gia đình anh T1 đông con. Còn phần bồi thường thiệt hại chỉ chấp nhận đền bù đường ống nước cho bà T là phù hợp một phần với nhận định của HĐXX nên chấp nhận một phần.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn sửa một phần bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 182, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm Văn T1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Tạm giao 268m² đất thuộc thửa đất số 2D, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bình Định cho bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hữu P quản lý, sử dụng. Đất có giới cận và kích thước như sau:

- Phía Đông giáp đất bà T dài 6,16 mét.
- Phía Bắc giáp đất ông Sơn, ông Thành
- Phía Tây giáp đường đất dài 4,91 mét
- Phía Nam giáp phần đất 53,5m² thuộc thửa đất số 2b, tờ bản đồ số 4 dài 48,61 mét.

(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo)

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T, ông Trần Hữu P về việc thu hoạch cỏ để trả lại diện tích 53,5m² đất cho hộ gia đình anh Phạm Văn T1 vì 53,5m² đất này thuộc thửa đất số 2b, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Bình Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00351 do UBND huyện V cấp ngày 16/5/1994 cho hộ gia đình anh Phạm Văn T1. Đất có giới cận và kích thước như sau

- Phía Đông giáp đất bà T dài 1,1 mét.
- Phía Bắc giáp phần đất tạm giao cho bà T dài 48,61 mét
- Phía Tây giáp đường đất dài 1,11 mét
- Phía Nam giáp thửa đất 2b do anh T1 đang quản lý dài 48.71 mét.

(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo)

4. Buộc anh Phạm Văn T1 phải bồi thường thiệt hại cho bà T số diện tích cỏ và hệ thống ống nước anh T1 đã đốt cháy với số tiền là 1.846.000đ (Một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

5. Về án phí, chi phí tố tụng:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà T 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012251 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Văn T1 không phải chịu.

5.3. Về chi phí tố tụng gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản anh T1 và bà T mỗi người phải chịu 6.000.500đ. Bà T đã nộp 4.001.000đ, anh T1 đã nộp 8.000.000đ nên bà T còn phải trả lại cho anh T1 1.999.500đ.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

7.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng

